

Tính Không - Duyên khởi - Trung đạo: Nền tảng triết học và phương thức nhập thế của PGVN đương đại

ISSN: 2734-9195 09:50 04/09/2026

Thích Quảng Hợp đưa ra luận điểm lấy Tính Không - Duyên khởi - Trung đạo làm nền tảng triết học, lấy Thiền và chính niệm làm phương thức tu tập - nhận thức, lấy nhập thế làm phương thức hành động và hướng tới những giá trị nhân sinh - xã hội của Phật giáo Việt Nam đương đại.

Tóm tắt

Bài viết phân tích mối quan hệ biện chứng giữa Phật học và triết học, trong đó, hệ thống tư tưởng được xây dựng với việc lấy triết học Tính Không làm điểm xuất phát cốt lõi. Khởi nguồn từ nền tảng Trung Quán Luận, tác giả đã tái cấu trúc các phạm trù Phật học truyền thống thành các công cụ lý luận có khả năng đối thoại trực tiếp với các vấn đề triết học, đạo đức và tâm lý của xã hội đương đại.

Từ khóa: Triết học Tính Không, Phật học đương đại, Lịch sử triết học, Phương pháp luận.

A. Mở bài

Trong dòng chảy tư tưởng Việt Nam đương đại, Phật giáo không chỉ hiện diện như một hệ thống tín ngưỡng tôn giáo, mà ngày càng khẳng định vị thế như một nguồn lực triết học và đạo đức học quan trọng.

Sự chuyển dịch bối cảnh xã hội đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc thiết lập mối quan hệ đối thoại biện chứng giữa Phật học truyền thống và hệ thống triết học học thuật hiện đại. Điều này đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải đổi mới phương pháp luận, chuyển hóa các phạm trù giáo lý thuần túy thành các công cụ phân tích có tính biện chứng và lịch sử.

Nghiên cứu chỉ ra hệ thống tư tưởng này lấy nguyên lý Tính Không - Duyên khởi - Trung đạo làm nền tảng triết học, từ đó khảo sát sự chuyển hóa của các phạm trù này vào thực tiễn qua tư duy về Thiền Lý - Trần, Thanh quy Bách Trượng và chính niệm đương đại.

Việc định hình hệ thống này không chỉ khẳng định bản sắc nghiên cứu Phật học đương đại tại Việt Nam, mà còn đặt nền móng kiểm chứng một giả thuyết khoa học nghiêm túc, mở ra hướng đi mới cho ngành lịch sử triết học nước nhà.

Nội dung

1. Bối cảnh Phật giáo và tư tưởng Việt Nam đương đại

1.1. Phật giáo trong đời sống tư tưởng Việt Nam hiện nay

Phật giáo hiện diện trong lịch sử văn hóa Việt Nam từ rất sớm và trong quá trình tồn tại, phát triển đã không chỉ được tiếp nhận như một hệ thống tín ngưỡng - tôn giáo mà còn trở thành một thành tố quan trọng của đời sống tư tưởng, đạo đức và văn hóa dân tộc.

Từ thời Lý - Trần, Phật giáo đã đạt tới vị thế đặc biệt trong đời sống chính trị, văn hóa và tinh thần của quốc gia Đại Việt. Sự xuất hiện của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử với Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang đã tạo nên một mô hình Phật giáo mang đậm dấu ấn Việt Nam, trong đó đời sống xuất thế không tách biệt với trách nhiệm đối với cộng đồng và đất nước.

Trong bối cảnh hiện đại, vị trí của Phật giáo tiếp tục được nhìn nhận trong mối quan hệ với đời sống xã hội, đạo đức, văn hóa và con người. Chính sách của Nhà nước Việt Nam xác định *“tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân”*; đồng thời nhấn mạnh việc *“phát huy những giá trị tích cực của các tôn giáo và tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc”*[1]

Điều đó đặt ra một yêu cầu mới đối với nghiên cứu Phật học: không chỉ nghiên cứu Phật giáo như một đối tượng lịch sử hay tôn giáo, mà còn phải khảo sát Phật giáo như một nguồn lực tư tưởng có khả năng đối thoại với những vấn đề của con người và xã hội đương đại. Từ đây xuất hiện một vấn đề phương pháp luận quan trọng: làm thế nào để phân biệt giữa việc truyền bá giáo lý và việc nghiên cứu tư tưởng Phật giáo?

Làm thế nào để chuyển những phạm trù vốn thuộc truyền thống Phật học như duyên khởi, vô ngã, tính Không, trung đạo, chánh niệm, từ bi, trí tuệ thành những đối tượng có thể phân tích bằng phương pháp lịch sử triết học?

1.2. Nhu cầu đối thoại giữa Phật giáo và đời sống hiện đại

Xã hội đương đại đặt con người trước những biến đổi sâu sắc về khoa học – công nghệ, kinh tế, văn hóa, môi trường, quan hệ xã hội và phương thức giao tiếp. Những biến đổi đó làm xuất hiện đồng thời nhiều vấn đề: khủng hoảng giá trị, chủ nghĩa tiêu dùng, áp lực tâm lý, xung đột lợi ích, sự phân cực xã hội, khủng hoảng môi trường và những thách thức đạo đức do công nghệ mới tạo ra.

Trong hoàn cảnh ấy, Phật giáo ngày càng được nghiên cứu không chỉ ở phương diện tín ngưỡng mà còn trong các lĩnh vực triết học, đạo đức học, tâm lý học, giáo dục học và nghiên cứu hòa bình.

Một ví dụ là hướng nghiên cứu về chánh niệm. Trong tuyển tập Lãnh đạo chánh niệm và hòa bình, Thích Quảng Hợp có bài Cách tiếp cận lịch sử triết học về tư duy chánh niệm Phật giáo trong thế giới hiện đại. Việc đặt chánh niệm trong cách tiếp cận lịch sử triết học cho thấy *“sự vận động của tư duy nghiên cứu từ phạm vi giáo lý sang phạm vi triết học và các vấn đề xã hội hiện đại”*[2]

Như vậy, một trong những đặc điểm của Phật học đương đại là sự mở rộng không gian đối thoại. Phật giáo không chỉ đối thoại với chính các truyền thống Phật giáo khác mà còn đối thoại với triết học, khoa học, tâm lý học, giáo dục, đạo đức học và những vấn đề phát triển xã hội.

Chính trong không gian đó, việc nghiên cứu một học giả Phật giáo không thể chỉ dừng ở việc liệt kê các tác phẩm, mà cần tìm ra hệ thống vấn đề, phạm trù, phương pháp và mối liên hệ nội tại giữa các công trình.



2. Quan hệ giữa Phật học và triết học

2.1. Phân biệt Phật học, Phật giáo và triết học Phật giáo

Về phương diện khái niệm, cần phân biệt ba thuật ngữ: Phật giáo, Phật học và triết học Phật giáo.

Phật giáo là một truyền thống tôn giáo – triết học – đạo đức hình thành từ lời dạy và con đường tu tập gắn với Đức Phật Gautama, sau đó phát triển thành nhiều truyền thống, tông phái và hệ tư tưởng khác nhau.

Phật học có thể hiểu theo nghĩa rộng là lĩnh vực nghiên cứu có hệ thống về Phật giáo, bao gồm kinh điển, giáo lý, lịch sử, tư tưởng, giới luật, thiền học, văn hóa, nghệ thuật và sự vận động của Phật giáo trong các xã hội khác nhau.

Trong khi đó, triết học Phật giáo tập trung vào những vấn đề mang tính triết học trong tư tưởng Phật giáo: quan niệm về thực tại, con người, nhận thức, nguyên nhân của khổ đau, khả năng giải thoát, quan hệ nhân quả, duyên khởi, vô ngã, tính Không, trung đạo, đạo đức và đời sống.

Điểm cần lưu ý là không nên đồng nhất toàn bộ Phật giáo với triết học. Phật giáo có phạm vi rộng hơn triết học, bởi nó bao gồm cả tín ngưỡng, nghi lễ, cộng đồng, giới luật và thực hành tôn giáo. Ngược lại, khi nghiên cứu triết học Phật giáo, nhà nghiên cứu phải xác định những nội dung có khả năng được khảo sát

bằng các phạm trừ và phương pháp của lịch sử triết học.

2.2. Tính triết học của Tư tưởng Phật giáo

Tư tưởng Phật giáo chứa đựng nhiều vấn đề thuộc phạm vi triết học: bản chất của con người, nguồn gốc khổ đau, sự hình thành của nhận thức, quan hệ giữa chủ thể và thế giới, tính vô thường của các pháp, vô ngã, duyên khởi và khả năng chuyển hóa đời sống.

Đặc biệt, truyền thống Trung Quán của Long Thọ phát triển một phương thức biện luận nhằm phê phán quan niệm về “tự tính” (svabhāva) của các pháp. Các nghiên cứu về Trung Quán thường nhấn mạnh mối liên hệ giữa tính Không, duyên khởi và vô ngã; Trung Quán Luận được xem là một trong những văn bản nền tảng của tư tưởng Đại thừa[3].

Vì vậy, khi tiếp cận Phật giáo bằng triết học, vấn đề không phải là “biến Phật giáo thành triết học”, mà là làm sáng tỏ những cấu trúc tư tưởng và lập luận triết học vốn hiện hữu trong truyền thống Phật giáo.

Các vấn đề triết học được nghiên cứu xuất phát từ chính những phạm trừ trung tâm của Phật giáo, trong đó nổi bật nhất là Tính Không và Trung Quán.

3. Từ nghiên cứu Phật học đến nghiên cứu triết học

3.1. Sự chuyển đổi về đối tượng nghiên cứu

Ở giai đoạn đầu, đối tượng là Trung Quán Luận - một văn bản kinh điển thuộc truyền thống Đại thừa. Nhưng khi được đặt trong chuyên ngành Lịch sử Triết học, Trung Quán Luận trở thành đối tượng của một nghiên cứu triết học.

Sự khác biệt này có ý nghĩa phương pháp luận. Nếu nghiên cứu thuần túy theo phương pháp chú giải Phật học, câu hỏi có thể là: Long Thọ nói gì về Tính Không?

Nhưng khi đặt trong lịch sử triết học, câu hỏi được mở rộng: Tính Không hình thành trong những tiền đề tư tưởng nào? Nó giải quyết vấn đề triết học nào? Long Thọ phê phán những quan niệm nào? Phương pháp lập luận của Trung Quán là gì? Tính Không có ý nghĩa nhận thức luận, nhân sinh luận và giải thoát luận như thế nào?

Chính sự chuyển đổi câu hỏi như vậy tạo ra bước chuyển từ nghiên cứu giáo lý sang nghiên cứu triết học.

3.2. Hệ thống hóa các công trình về Trung Quán và Tính Không

Nguồn gốc tư tưởng Trung Quán Luận; Tìm hiểu đôi nét ảnh hưởng của Trung Quán Luận trong lịch sử phát triển Phật giáo; Trung Quán Luận trong lịch sử phát triển Phật giáo; Duyên khởi trong Trung Quán Luận và ảnh hưởng của nó tới Thiền Phật giáo thời Lý Trần; các nghiên cứu ứng dụng Tính Không vào những vấn đề nhân sinh và xã hội. Danh mục công trình trong luận án tiến sĩ của Thích Quảng Hợp [4].

Đặc biệt, bài nghiên cứu về Duyên khởi trong Trung Quán Luận và ảnh hưởng của nó tới Thiền Phật giáo thời Lý Trần cho thấy phạm vi nghiên cứu đã vượt khỏi Long Thọ để đi vào lịch sử tư tưởng Việt Nam[5]. Đây chính là một bước chuyển quan trọng: Từ nghiên cứu một hệ thống triết học Ấn Độ → nghiên cứu sự tiếp biến của hệ thống ấy trong lịch sử tư tưởng Phật giáo Việt Nam.

3.3. Từ lý luận đến ứng dụng nhân sinh

Trong bài viết về Thái sư Lê Văn Thịnh, tác giả sử dụng Tính Không như một “lăng kính” để suy tư về con người, lịch sử, oan khuất và vấn đề nhận thức. Bài viết trình bày Tính Không trong quan hệ với vô thường, vô ngã và duyên khởi, rồi từ đó liên hệ với đời sống con người[6]. Trong một nghiên cứu khác, Tính Không được đặt trong mối liên hệ với phân tâm học và hành vi tham gia giao thông[7].

Như vậy, Tính Không bắt đầu được sử dụng không chỉ như đối tượng nghiên cứu, mà còn như một phương tiện nhận thức và diễn giải hiện thực.

4. Tính Không như điểm xuất phát

4.1. Khái niệm Tính Không

Tính Không (Sanskrit: śūnyatā) là một trong những khái niệm quan trọng nhất của tư tưởng Đại thừa, đặc biệt trong truyền thống Trung Quán. Tuy nhiên, “Không” không nên được hiểu giản đơn là không có gì, hư vô hay phủ định sự tồn tại của thế giới.

Trong cách hiểu Trung Quán, điều được phủ định trước hết là tự tính độc lập, bất biến và tự tồn của các pháp. Các pháp hiện hữu trong quan hệ duyên sinh, không tồn tại bằng một bản chất độc lập với các điều kiện tạo thành chúng. Bởi vậy, có thể diễn đạt quan hệ cơ bản: Duyên khởi → vô tự tính → tính Không.

Một cách hiểu quan trọng của Trung Quán là: bởi các pháp không có tự tính độc lập nên chúng mới có khả năng sinh khởi trong quan hệ duyên khởi. Tính Không vì thế không phải là phủ định hiện hữu một cách tuyệt đối, mà là phủ định cách hiểu về một bản thể cố định, tự tồn.

Các nghiên cứu về Trung Quán cũng nhấn mạnh rằng Long Thọ sử dụng lập luận nhằm bác bỏ quan niệm về “tự tính” và khẳng định tính duyên sinh của các pháp[8].

4.2. Tính Không và Trung đạo

Nếu Tính Không là nội dung trung tâm thì Trung đạo là phương thức vượt qua những cực đoan nhận thức.

Trung đạo ở đây không đơn giản có nghĩa là “đứng ở giữa” hai quan điểm. Về phương diện triết học, đó là sự vượt qua những cực đoan như: hữu và vô; thường và đoạn; sinh và diệt; đồng và dị; tự tính và hư vô. Vì vậy, Tính Không không thể tách khỏi Trung đạo. Một bên là nguy cơ chấp hữu: coi sự vật có một bản chất cố định, độc lập. Bên kia là nguy cơ chấp không: hiểu Không như sự phủ định hoàn toàn của tồn tại. Trung Quán tìm cách vượt qua cả hai cực đoan ấy.

Trong các nghiên cứu của tác giả, Tính Không – Trung đạo – Duyên khởi thường xuyên xuất hiện trong một cấu trúc tư tưởng thống nhất. Nguyên lý Tính Không là trọng tâm và đặt nó trong hệ thống tư tưởng Trung Quán của Long Thọ[9].

4.3. Tính Không và Duyên khởi

Một trong những phương diện quan trọng nhất của Tính Không là mối quan hệ với Duyên khởi. Nếu một pháp tồn tại do nhiều điều kiện tương duyên, thì nó không thể có một bản chất hoàn toàn độc lập với các điều kiện ấy. Do đó: Duyên khởi không đối lập với Tính Không; Duyên khởi là cơ sở để lý giải Tính Không. Chính điểm này mở ra khả năng chuyển từ triết học bản thể sang triết học quan hệ. Thay vì đặt câu hỏi: “Sự vật tự nó là gì?” có thể chuyển thành: “Sự vật tồn tại trong những quan hệ nào?” Đây là một sự chuyển đổi nhận thức rất quan trọng.

Vấn đề này được thể hiện rõ qua việc nghiên cứu Duyên khởi trong Trung Quán Luận và ảnh hưởng của nó tới Thiên Phật giáo thời Lý- Trần[10].

4.4. Tính Không và vô ngã

Tính Không cũng có quan hệ mật thiết với vô ngã. Nếu “ngã” được hiểu như một bản thể bất biến, độc lập và tự tồn, thì phân tích duyên khởi cho thấy con người cũng là một cấu trúc quan hệ: thân thể, cảm giác, nhận thức, tâm lý, ký ức, môi trường xã hội và vô số điều kiện khác. Vì vậy, vô ngã không đồng nghĩa với phủ nhận con người. Nó là sự phủ nhận quan niệm về một cái “tôi” độc lập, bất biến.

Trong một bài nghiên cứu về Lê Văn Thịnh, tác giả đã diễn giải Tính Không trong mối liên hệ với vô thường, vô ngã và duyên khởi, đồng thời đặt vấn đề này vào việc quán chiếu một nhân vật lịch sử[11]. Đây là một dấu hiệu quan trọng cho thấy Tính Không đã được vận dụng như một phương pháp đọc con người và lịch sử, chứ không chỉ được trình bày như một học thuyết trừu tượng.

4.5. Tính Không - từ triết học đến nhân sinh

Nếu chỉ dừng lại ở luận chứng “các pháp không có tự tính”, Tính Không mới chỉ được trình bày ở phương diện lý luận. Nhưng trong truyền thống Phật giáo, mục đích của trí tuệ Tính Không không phải để xây dựng một hệ thống siêu hình thuần túy. Nó hướng đến phá chấp, giải phóng con người khỏi những nhận thức sai lầm và chuyển hóa đời sống. Chính ở đây xuất hiện một đường dây tư tưởng quan trọng: Tính Không → phá chấp → vô ngã → tự do nội tâm → hành động tỉnh thức → nhập thế.

C. Kết luận

Qua khảo sát các tiền đề lịch sử, tư tưởng và học thuật, có thể bước đầu xác định năm phương diện:

Thứ nhất, Phật giáo Việt Nam đương đại đang đứng trong một không gian đối thoại ngày càng rộng với xã hội, văn hóa, đạo đức, giáo dục và các ngành khoa học xã hội. Vì vậy, nghiên cứu Phật giáo không thể chỉ giới hạn trong phạm vi chú giải kinh điển mà cần mở rộng sang phân tích tư tưởng và giá trị nhân sinh.

Thứ hai, Phật học và triết học có mối quan hệ mật thiết nhưng không đồng nhất. Phật học cung cấp một trường tư liệu và truyền thống tư tưởng rộng lớn; triết học cung cấp những công cụ để phân tích các vấn đề về thực tại, nhận thức, con người và giá trị. Việc nghiên cứu Phật giáo bằng phương pháp lịch sử triết học vì thế tạo ra khả năng nhận diện những cấu trúc tư tưởng nằm bên trong truyền thống Phật giáo.

Thứ ba, tác giả đã chỉ ra một quá trình chuyên sâu tương đối rõ: từ tu học Phật giáo đến nghiên cứu Trung Quán, từ nghiên cứu Trung Quán đến Tính Không, và từ nghiên cứu Tính Không đến chuyên ngành Lịch sử Triết học. Luận án tiến sĩ

năm 2016 Nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận của Bồ tát Long Thọ và ý nghĩa của nó là dấu mốc đặc biệt quan trọng trong tiến trình này[12].

Thứ tư, hệ thống công trình liên quan đến Trung Quán, Tính Không, Duyên khởi, Thiền Lý – Trần và các vấn đề nhân sinh cho thấy một sự mở rộng dần của đối tượng nghiên cứu: từ Long Thọ và Trung Quán sang Phật giáo Việt Nam, rồi từ Phật giáo Việt Nam sang con người và xã hội đương đại[13].

Thứ năm, Tính Không có thể được xem là điểm xuất phát quan trọng nhất của cấu trúc tư tưởng đang được khảo sát. Tuy nhiên, Tính Không không tồn tại biệt lập mà liên hệ hữu cơ với Duyên khởi, Vô ngã và Trung đạo. Từ đây, nghiên cứu cần tiếp tục xem xét quá trình những phạm trù triết học ấy được chuyển hóa thành tư tưởng về Thiền, chánh niệm, nhập thế, hành động xã hội và hộ quốc an dân.

Do đó, ở giai đoạn hiện tại, tác giả Thích Quảng Hợp đưa ra luận điểm lấy Tính Không – Duyên khởi – Trung đạo làm nền tảng triết học, lấy Thiền và chánh niệm làm phương thức tu tập – nhận thức, lấy nhập thế làm phương thức hành động và hướng tới những giá trị nhân sinh – xã hội của Phật giáo Việt Nam đương đại.

Tuy nhiên, đây mới là giả thuyết khoa học. Để xác lập nó như một cấu trúc tư tưởng có tính hệ thống, các phần tiếp theo phải tiếp tục kiểm chứng qua các nhóm tác phẩm cụ thể, đặc biệt là các nghiên cứu về Long Thọ – Trung Quán – Tính Không; Thiền Lý – Trần – Trần Nhân Tông; Bách Trượng – Thanh quy – lao động; chánh niệm – con người hiện đại; và nhập thế – hộ quốc an dân.

Chính quá trình kiểm chứng quy ước để nghiên cứu trước tác của một tác giả, hay có thể phát triển thành một hệ thống tư tưởng Phật học – triết học có cấu trúc và đặc trưng riêng.

Tác giả: **Tiến sĩ Thích Quảng Hợp**

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Văn Thành (Thích Quảng Hợp) (2016), Nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận của Bồ tát Long Thọ và ý nghĩa của nó, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
2. Thích Quảng Hợp (Trần Văn Thành) (2014), “Tìm hiểu đôi nét ảnh hưởng của Trung Quán Luận trong lịch sử phát triển Phật giáo”, Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, số 1, tr. 68–77
3. Trần Văn Thành (Thích Quảng Hợp) (2015), “Trung Quán Luận trong lịch sử phát triển Phật giáo”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3, tr. 26–38

[13] Thích Quảng Hợp, (2016), Luận Án: Nguyên Lý Tính Không Trong Trung Quán Luận của Bồ tát Long Thọ và Ý nghĩa của nó, Học Viện khxh